

## QUYẾT ĐỊNH

Về việc công bố danh mục 02 thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre

### CHỦ TỊCH ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 02 năm 2025;

Căn cứ Nghị định số 63/2010/NĐ-CP ngày 08 tháng 6 năm 2010 của Chính phủ về kiểm soát thủ tục hành chính; Nghị định số 92/2017/NĐ-CP ngày 07 tháng 8 năm 2017 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của các nghị định liên quan đến kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 02/2017/TT-VPCP ngày 31 tháng 10 năm 2017 của Văn phòng Chính phủ hướng dẫn về nghiệp vụ kiểm soát thủ tục hành chính;

Căn cứ Thông tư số 01/2023/TT-VPCP ngày 05 tháng 4 năm 2023 của Văn phòng Chính phủ quy định một số nội dung và biện pháp thi hành trong số hóa hồ sơ, kết quả giải quyết thủ tục hành chính trên môi trường điện tử;

Căn cứ Quyết định số 696/QĐ-BVHTTDL ngày 18 tháng 3 năm 2025 của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch về việc công bố thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực văn hóa thuộc phạm vi chức năng quản lý của Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tại Tờ trình số 848/TTr-SVHTTDL ngày 25 tháng 3 năm 2025.

## QUYẾT ĐỊNH:

**Điều 1.** Công bố kèm theo Quyết định này danh mục 02 thủ tục hành chính được thay thế trong lĩnh vực văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre (Phụ lục kèm theo).

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày 12 tháng 4 năm 2025.

1. Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính trong lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa được ban hành kèm theo Quyết định số 830/QĐ-UBND ngày 20 tháng 4 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố danh mục 01 thủ tục hành chính mới ban hành lĩnh vực trong điện ảnh và danh mục 01 thủ tục hành chính được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

2. Bãi bỏ 01 thủ tục hành chính (số thứ tự 47) lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa được ban hành kèm theo Quyết định số 559/QĐ-UBND ngày 17 tháng 3 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc công bố Danh mục 125 thủ tục hành chính được chuẩn hóa thuộc thẩm quyền giải quyết thẩm quyền giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

**Điều 3.** Giao Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tham mưu xây dựng dự thảo, trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt sửa đổi, bổ sung đối với 02 quy trình nội bộ sau:

1. Sửa đổi 01 quy trình nội bộ lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa được ban hành kèm theo Quyết định số 1013/QĐ-UBND ngày 15 tháng 5 năm 2023 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt 02 quy trình nội bộ (01 quy trình nội bộ mới ban hành trong lĩnh vực điện ảnh, 01 quy trình nội bộ được sửa đổi, bổ sung trong lĩnh vực hoạt động mua bán hàng hóa quốc tế chuyên ngành văn hóa) thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch tỉnh Bến Tre.

2. Sửa đổi 01 quy trình nội bộ (số 44) lĩnh vực xuất nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh được ban hành kèm theo Quyết định số 2491/QĐ-UBND ngày 08 tháng 11 năm 2019 của Ủy ban nhân dân tỉnh về việc phê duyệt quy trình nội bộ trong giải quyết 126 thủ tục hành chính thuộc thẩm quyền tiếp nhận và giải quyết của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**Điều 4.** Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch và các tổ chức, cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 4;
- Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Cục Kiểm soát TTHC - VPCP;
- Chủ tịch, các PCT UBND tỉnh;
- Các PCVPUBND tỉnh;
- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch;
- Phòng KG-VX, TTPVHCC;
- Công TTĐT tỉnh;
- Lưu: VT, TNBV.

**CHỦ TỊCH**

**Đã ký**

**Trần Ngọc Tam**

**Phụ lục I**  
**DANH MỤC THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ TRONG**  
**LĨNH VỰC VĂN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH BẾN TRE**  
*(Kèm theo Quyết định số 922 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

**Danh mục thủ tục hành chính được thay thế**

Số TT	Số hồ sơ TTHC	Tên thủ tục hành chính được thay thế	Tên thủ tục hành chính thay thế	Tên VBQPPL quy định nội dung sửa đổi, bổ sung TTHC
<b>Lĩnh vực: Văn hóa</b>				
1.	1.003784	Thủ tục cấp phép nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh thuộc thẩm quyền của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch	Thủ tục thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh	Nghị định số 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số
2.	1.003743	Thủ tục giám định văn hóa phẩm xuất khẩu không nhằm mục đích kinh doanh của cá nhân, tổ chức cấp tỉnh	Thủ tục kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh	32/2012/NĐ-CP ngày 12/4/2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

**Phụ lục II**  
**NỘI DUNG CỦA THỦ TỤC HÀNH CHÍNH ĐƯỢC THAY THẾ**  
**TRONG LĨNH VỰC VĂN HÓA THUỘC THẨM QUYỀN GIẢI QUYẾT**  
**CỦA SỞ VĂN HÓA, THỂ THAO VÀ DU LỊCH TỈNH BẾN TRE**  
*(Kèm theo Quyết định số 922 /QĐ-UBND ngày 27 tháng 3 năm 2025*  
*của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)*

**LĨNH VỰC: VĂN HÓA**

**1. Thủ tục: Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) không nhằm mục đích kinh doanh cấp tỉnh - Mã số: 1.003784 (Dịch vụ công trực tuyến toàn trình)**

**1.1. Trình tự thực hiện:**

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch thực hiện tiếp nhận Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) của cá nhân, tổ chức trong các trường hợp sau đây:

+ Văn hóa phẩm để phục vụ công việc của cá nhân, tổ chức và không có mục đích trao đổi hợp tác, viện trợ; tham gia trưng bày, triển lãm, dự thi, liên hoan ở cấp quốc gia, cấp khu vực.

+ Văn hóa phẩm là quà biếu, tặng có giá trị vượt quá tiêu chuẩn miễn thuế theo quy định của pháp luật;

+ Văn hóa phẩm để tham gia trưng bày, triển lãm, dự thi, liên hoan; lưu hành, phổ biến tại địa phương.

- Cá nhân, tổ chức có văn hóa phẩm (trừ di vật, cổ vật) nhập khẩu trong các trường hợp trên nộp 01 bộ hồ sơ thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bộ phận Một cửa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ (trừ các ngày lễ, tết).

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch khi tiếp nhận Thông báo có trách nhiệm kiểm tra nội dung văn hóa phẩm theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định số 32/2012/NĐ-CP và cấp ngay Giấy biên nhận thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm cho người nộp hồ sơ theo Phụ lục IV kèm theo Nghị định số 31/2025/NĐ-CP.

- Trường hợp phát hiện văn hóa phẩm cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu theo quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 32/2012/NĐ-CP, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ đúng theo quy định, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi cho cơ quan Hải quan và cá nhân, tổ chức Thông báo dừng nhập khẩu văn hóa phẩm theo Phụ lục V kèm theo Nghị định 31/2025/NĐ-CP.

- Giấy biên nhận thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm mà không có Thông báo dừng nhập khẩu văn hóa phẩm của Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch là căn cứ để cơ quan Hải quan làm thủ tục nhập khẩu văn hóa phẩm.

**1.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre) hoặc gửi hồ sơ qua đường bưu điện hoặc nộp trực tuyến trên Hệ thống thông tin giải quyết thủ tục hành chính của tỉnh tại địa chỉ: <https://dichvucong.bentre.gov.vn> hoặc Cổng Dịch vụ công quốc gia tại địa chỉ <https://dichvucong.gov.vn/>.

### **1.3. Thành phần hồ sơ:**

(1) Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm theo Phụ lục III kèm theo Nghị định 31/2025/NĐ-CP\*.

(2) 01 ảnh chụp mặt trước, chính giữa văn hóa phẩm; đối với tác phẩm điêu khắc bổ sung 01 ảnh chụp từng mặt: bên trái, bên phải và phía sau tác phẩm, có chú thích, kích thước ảnh nhỏ nhất 13 x 18 cm, được in trên giấy hoặc ghi vào thiết bị lưu trữ di động (đối với trường hợp nộp trực tiếp hoặc nộp qua bưu chính) hoặc ảnh định dạng số (đối với trường hợp nộp qua môi trường điện tử, nộp qua Cổng thông tin một cửa quốc gia). Bản dịch công chứng chi tiết nội dung đối với bản ghi âm, ghi hình có sử dụng tiếng nước ngoài;

(3) Bản sao vận đơn hoặc giấy báo nhận hàng (nếu có).

**1.4. Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

### **1.5. Thời hạn giải quyết:**

- Cấp ngay Giấy biên nhận thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm cho người nộp hồ sơ.

- Trường hợp phát hiện văn hóa phẩm cấm nhập khẩu, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày cấp Giấy biên nhận, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch gửi cho cơ quan Hải quan và cá nhân, tổ chức Thông báo dừng nhập khẩu văn hóa phẩm.

**1.6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân, tổ chức, cơ quan Hải quan.

**1.7. Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**1.8. Mẫu đơn, tờ khai:** Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm theo Phụ lục III kèm theo Nghị định 31/2025/NĐ-CP.

### **1.9. Kết quả thực hiện TTHC:**

- Giấy biên nhận thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm cho người nộp hồ sơ theo Phụ lục IV kèm theo Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.

- Thông báo dừng nhập khẩu văn hóa phẩm theo phụ lục V kèm theo Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ trong trường hợp phát hiện văn hóa phẩm cấm nhập khẩu.

**1.10. Phí, lệ phí:** Không quy định.

---

\* Thành phần hồ sơ bắt buộc phải số hóa

**1.11. Yêu cầu, điều kiện:** Nghiêm cấm nhập khẩu văn hóa phẩm quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 32/2012/NĐ-CP.

**1.12. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

- Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

**Phụ lục III**

*(Kèm theo Nghị định số 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)*

**TÊN TỔ CHỨC (1)**  
-----

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**  
-----

...(2)...., ngày ... tháng .... năm .....

**THÔNG BÁO NHẬP KHẨU VĂN HÓA PHẨM  
KHÔNG NHẪM MỤC ĐÍCH KINH DOANH  
(trừ di vật, cổ vật)**

Kính gửi: .....(3).....

.....(1)... hoặc Tôi tên là:.....(4).....

1. Đối với tổ chức:

Tên giao dịch: *(nếu có)*.....

Tên viết tắt: *(nếu có)*.....

Tên bằng tiếng nước ngoài: *(nếu có)*.....

Địa chỉ trụ sở:.....

Số điện thoại: .....Fax:.....Email.....

Website:.....

Người đại diện theo pháp luật:

Họ và tên:.....

Giới tính: (6)..... Ngày, tháng, năm sinh:...../...../.....

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm cấp:.....(7)...../...../..... Nơi cấp:(8).....

*(đối với thẻ căn cước công dân/ thẻ căn cước)*

Nơi thường trú: .....(9).....

Nơi ở hiện tại: (10).....

2. Đối với cá nhân:

Quốc tịch:..(5).....; Giới tính:.... (6).....; Ngày, tháng, năm sinh:.....

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân:.....

Ngày, tháng, năm cấp:..(7)...../...../..... Nơi cấp:...(8).....

*(đối với thẻ căn cước công dân/ thẻ căn cước)*

Nơi thường trú: ..(9).....

Nơi ở hiện tại: (10).....

Điện thoại:.....Email:.....

Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm dưới đây:

Loại văn hóa phẩm:.....

Số lượng:.....

Chất liệu:.....  
 Kích thước:.....  
 Nội dung văn hóa phẩm:.....  
 Gửi từ:.....  
 Đến:.....  
 Mục đích, phạm vi sử dụng:.....  
 Chúng tôi/Tôi xin cam kết nội dung Thông báo nhập khẩu là đúng sự thật; chịu trách nhiệm bảo đảm nội dung văn hóa phẩm không vi phạm pháp luật; quản lý, sử dụng văn hóa phẩm nhập khẩu theo đúng quy định của pháp luật.

**HỌ TÊN, CHỨC VỤ CỦA**  
**NGƯỜI KÝ**  
*...(1) hoặc (4)*  
*(nếu là cơ quan, tổ chức*  
*phải có chữ ký/chữ ký số, dấu)*

***Ghi chú:***

(1) Tên tổ chức thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (ghi bằng chữ in hoa).

(2) Địa danh.

(3) Tên cơ quan có thẩm quyền tiếp nhận Thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm.

(4) Tên cá nhân thông báo nhập khẩu văn hóa phẩm (ghi bằng chữ in hoa).

- Các thông tin số (5), (6), (7), (8), (9), (10):

+ Trường hợp nộp hồ sơ trực tuyến: các thông tin được khai thác từ Cơ sở dữ liệu quốc gia về dân cư để tự động điền vào biểu mẫu, người thực hiện thủ tục hành chính không cần kê khai. Nếu các thông tin không được tự động điền vào biểu mẫu thì người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ.

+ Trường hợp nộp hồ sơ giấy (nộp trực tiếp hoặc qua bưu chính): người thực hiện thủ tục hành chính kê khai đầy đủ trong biểu mẫu.

+ Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.



## **2. Thủ tục: Kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh trước khi xuất khẩu cấp tỉnh - Mã số: 1.003743 (Dịch vụ công trực tuyến một phần)**

### **2.1. Trình tự thực hiện:**

- Cá nhân, tổ chức được đề nghị kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm trước khi xuất khẩu, gồm: các bản ghi âm, ghi hình về nghệ thuật biểu diễn; các bản ghi âm, ghi hình trong quá trình sản xuất phim tại Việt Nam của tổ chức, cá nhân nước ngoài; tác phẩm mỹ thuật, tác phẩm mỹ thuật ứng dụng, tác phẩm nhiếp ảnh; di vật, cổ vật thuộc các trường hợp sau:

+ Văn hóa phẩm để phục vụ công việc của cá nhân, tổ chức và không có mục đích trao đổi hợp tác, viện trợ; tham gia trưng bày, triển lãm, dự thi, liên hoan ở cấp quốc gia, cấp khu vực.

+ Văn hóa phẩm là quà biếu, tặng có giá trị vượt quá tiêu chuẩn miễn thuế theo quy định của pháp luật.

+ Văn hóa phẩm để tham gia trưng bày, triển lãm, dự thi, liên hoan; lưu hành, phổ biến tại địa phương.

- Cá nhân, tổ chức gửi trực tiếp 01 bộ hồ sơ đề nghị kiểm tra chuyên ngành trước khi xuất khẩu đến Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh (Bộ phận Một cửa Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch), Địa chỉ: số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre. Thời gian từ thứ 2 đến thứ 6 hàng tuần, buổi sáng từ 7 giờ đến 11 giờ, buổi chiều từ 13 giờ đến 17 giờ (trừ các ngày lễ, tết).

- Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu đối với văn hóa phẩm thuộc thẩm quyền theo đề nghị của cơ quan Hải quan hoặc cá nhân, tổ chức trong thời gian tối đa không quá 12 ngày, kể từ ngày nhận đủ hồ sơ theo quy định.

- Trường hợp hồ sơ không đúng theo quy định, trong thời hạn 02 ngày làm việc, kể từ ngày nhận hồ sơ, Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch đề nghị cá nhân, tổ chức hoàn thiện hồ sơ.

- Cá nhân, tổ chức nhận Biên bản kiểm tra chuyên ngành và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu kèm văn hóa phẩm đã được kiểm tra chuyên ngành và dán niêm phong tại trụ sở Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

- Biên bản kiểm tra chuyên ngành và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu là cơ sở để cơ quan Hải quan giải quyết thủ tục xuất khẩu văn hóa phẩm.

**2.2. Cách thức thực hiện:** Nộp hồ sơ trực tiếp tại Trung tâm Phục vụ hành chính công tỉnh Bến Tre (số 126A, Nguyễn Thị Định, phường Phú Tân, thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre).

### **2.3. Thành phần hồ sơ:**

(1) Đơn đề nghị kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu theo Phụ lục I Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ\* ;

\* Thành phần hồ sơ bắt buộc phải số hóa

(2) Văn hóa phẩm đề nghị kiểm tra chuyên ngành;

(3) Trường hợp văn hóa phẩm là di vật, cổ vật phải có thêm: Bản sao quyết định cho phép xuất khẩu di vật, cổ vật của Bộ trưởng Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch và Bản sao tài liệu kèm theo bản chính để đối chiếu hoặc bản sao có chứng thực tài liệu có liên quan chứng minh nguồn gốc, xuất xứ hợp pháp của di vật, cổ vật.

**2.4. Số lượng hồ sơ:** 01 (bộ).

**2.5. Thời hạn giải quyết:** 12 ngày kể từ ngày nhận đủ hồ sơ hợp lệ.

**2.6. Đối tượng thực hiện TTHC:** Cá nhân, tổ chức, cơ quan Hải quan.

**2.7. Cơ quan thực hiện TTHC:** Sở Văn hóa, Thể thao và Du lịch.

**2.8. Mẫu đơn, tờ khai:** Đơn đề nghị kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu theo Phụ lục I Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.

**2.9. Kết quả thực hiện TTHC:** Biên bản kiểm tra chuyên ngành và niêm phong văn hóa phẩm xuất khẩu theo các mẫu tại Phụ lục II kèm theo Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ.

**2.10. Phí, lệ phí:** Không quy định.

**2.11. Yêu cầu, điều kiện:**

- Văn hóa phẩm xuất khẩu đã được sản xuất, công bố, phổ biến và lưu hành hợp pháp trên lãnh thổ Việt Nam.

- Cá nhân, tổ chức xuất khẩu văn hóa phẩm là di vật, cổ vật thực hiện theo quy định tại Nghị định này và pháp luật về di sản văn hóa.

- Nghiêm cấm xuất khẩu văn hóa phẩm quy định tại khoản 1 Điều 6 Nghị định 32/2012/NĐ-CP.

**2.12. Căn cứ pháp lý của TTHC:**

- Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

- Nghị định 31/2025/NĐ-CP ngày ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 32/2012/NĐ-CP ngày 12 tháng 4 năm 2012 của Chính phủ về quản lý xuất khẩu, nhập khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

**Phụ lục I**

*(Kèm theo Nghị định số 31/2025/NĐ-CP ngày 24 tháng 02 năm 2025 của Chính phủ)*

**TÊN TỔ CHỨC (1)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

-----

-----

...(2)..., ngày.... tháng....năm....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ**

**KIỂM TRA CHUYÊN NGÀNH VĂN HÓA PHẨM XUẤT KHẨU**

**KHÔNG NHĂM MỤC ĐÍCH KINH DOANH**

Kính gửi: .....(3).....

..... (1) .....*hoặc* Tôi tên là.....(4) .....

1. Đối với tổ chức:

Tên giao dịch: *(nếu có)* .....

Tên viết tắt: *(nếu có)* .....

Tên bằng tiếng nước ngoài: *(nếu có)* .....

Địa chỉ trụ sở: .....

Số điện thoại: .....Fax: .....Email: .....

Website: .....

Người đại diện theo pháp luật: .....

Họ và tên: .....

Giới tính: .....Ngày, tháng, năm sinh: ...../...../.....

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/Số định danh cá nhân: .....

Ngày, tháng, năm cấp: ...../...../.....Nơi cấp: .....

*(đối với thẻ căn cước công dân/ thẻ căn cước)*

Nơi thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

2. Đối với cá nhân:

Quốc tịch: .....; Giới tính: .....Ngày, tháng, năm sinh: .....

Số thẻ căn cước công dân/Số thẻ căn cước/ Số định danh cá nhân: .....

Ngày, tháng, năm cấp: ...../...../.....Nơi cấp: .....

*(đối với thẻ căn cước công dân/ thẻ căn cước)*

Nơi thường trú: .....

Nơi ở hiện tại: .....

Điện thoại: .....Email: .....

Đề nghị ....(3).....kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu dưới đây:

Loại văn hóa phẩm: .....

Số lượng: .....

Nội dung văn hóa phẩm: .....

Gửi từ: .....

Đến: .....

Mục đích, phạm vi sử dụng: .....

Chúng tôi/Tôi xin cam kết thực hiện đúng theo quy định của pháp luật về xuất khẩu văn hóa phẩm không nhằm mục đích kinh doanh.

**HỌ TÊN, CHỨC VỤ CỦA NGƯỜI KÝ**

...(1) hoặc (4)

*(nếu là cơ quan, tổ chức phải ký tên, đóng dấu)*

***Ghi chú:***

(1) Tên tổ chức đề nghị kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu (ghi bằng chữ in hoa).

(2) Địa danh.

(3) Tên cơ quan có thẩm quyền kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu.

(4) Tên cá nhân đề nghị kiểm tra chuyên ngành văn hóa phẩm xuất khẩu (ghi bằng chữ in hoa).

Các thông tin tại biểu mẫu này đồng thời được sử dụng để xây dựng biểu mẫu điện tử tương tác khi cơ quan quản lý nhà nước cung cấp dịch vụ công trực tuyến.